

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 17-4-2018

V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Bà Nguyễn Thị Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lịch – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên
tòa:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa 12/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Lê T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 541, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H- Luật sư Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Duyên T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 381, đường V, Khóm M, Phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Ngọc T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số nhà 111, đường T, phường H, Quận K, Thành phố Cần Thơ; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09-12-2017)

(Các đương sự, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Lê T trình bày:

Từ năm 2016, chị T vay tiền của anh T nhiều lần, lãi suất thỏa thuận. Mỗi lần vay tiền, chị T có ký biên nhận vào sổ của anh T. Thời hạn vay thông thường trong 01 tuần, sau đó hai bên tắt toán vốn, lãi, chuyển sang khoản vay khác.

Ngày 03-9-2017, anh T tiếp tục cho chị T vay 880.000.000 đồng; ngày 04-9-2017 cho vay 250.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày (9%/tháng), hai bên thỏa thuận một tuần thanh toán lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn trả vốn. Đến ngày 09-9-2017, anh T đến nhà chị T để lấy tiền lãi thì chị T xin ngưng đóng lãi, còn tiền gốc chị T hứa trả sớm. Do đó, anh T ghi Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017, nội dung: xác định lại số nợ gốc chị T còn thiếu là 1.130.000.000 đồng, tiền lãi của 02 khoản vay là 22.980.000 đồng, chị T hẹn tuần sau sẽ trả, chị T xin ngưng đóng lãi và lo trả vốn trong thời gian sớm nhất. Trong tờ thỏa thuận này, ngoài anh T, chị T còn có hai người làm chứng là dì ruột của chị T (Nguyễn Thị Bích Thủy) và mẹ ruột chị T (Nguyễn Thị Bích Phượng) ký tên xác nhận. Sau khi làm Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2019, anh T hủy bỏ 02 biên nhận ngày 03-9-2017 và 04-9-2017.

Ngày 13-9-2017, chị T trả tiền lãi cho anh T 20.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi 2.980.000 đồng.

Ngày 16-9-2017, anh T ghi tờ giấy thống nhất ngưng thu tiền lãi, và tính đến ngày 20-9-2017, chị T phải trả tiền vốn cho anh T 30.000.000 đồng (từ số tiền chị T được giải ngân tại Ngân hàng K-Chi nhánh S), còn lại tiền gốc là 1.100.000.000 đồng. Chị T thống nhất cách tính trên và ký tên xác nhận. Sau đó, chị T chưa trả vốn, lãi cho anh T. Anh T khởi kiện yêu cầu chị T trả tiền vốn gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 09-9-2017 đến ngày 13-4-2018 là 07 tháng 04 ngày (tính tròn 07 tháng), số tiền: $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 07 \text{ tháng} = 63.910.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn và lãi là 1.163.910.000 đồng. Đối với số tiền lãi chị T còn thiếu trước đây là 2.980.000 đồng, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T thay đổi một phần yêu cầu: Anh T chỉ yêu cầu chị T trả tiền vốn 1.100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 04-9-2017 đến ngày xét xử 17-4-2018 là 07 tháng 13 ngày $\times 0,83\% = 67.866.000 \text{ đồng}$. Anh T tự nguyện giảm cho chị T 20.000.000 đồng tiền lãi đã nhận ngày 13-9-2017. Anh T yêu cầu chị T trả số tiền 1.147.866.000 đồng (vốn 1.100.000.000 đồng, lãi 47.866.000 đồng). Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Ngọc T, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chị Nguyễn Thị Duyên T, trình bày:

Bà T thống nhất lời trình bày của anh T về việc chị T có vay tiền của anh T từ 2016. Mỗi lần vay tiền, trả vốn, trả lãi, chị T đều có ký biên nhận vào sổ của anh T. Do tiền lãi là 9%/tháng nên có những lúc chị T không đóng lãi kịp, thiếu lại anh T. Anh T cộng tiền vốn vào tiền lãi và tiếp tục tính lãi. Sự việc trên kéo dài đến ngày 09-9-2017, anh T đến nhà chị T để tiếp tục lấy lãi nhưng do việc làm ăn

của chị T không thuận lợi nên chị T và gia đình năn nỉ anh T ngưng đóng lãi. Anh T lớn tiếng, chị T và gia đình sợ mất uy tín nên mời vào nhà. Anh T ghi Tờ thỏa thuận tổng kết số nợ chị T còn thiếu. Trong tình thế bắt buộc chị T, cùng mẹ và dì (bà Phượng, bà Thủy) ký vào Tờ thỏa thuận, nhưng yêu cầu anh T cho xem sổ sách để đối chiếu nợ lại sau. Nhưng sau đó, anh T không cung cấp sổ sách cho chị T để đối chiếu mà cho rằng đã hủy bỏ. Do đó, chị T không biết còn nợ anh T số tiền bao nhiêu, nên yêu cầu anh T cung cấp sổ sách, đặc biệt là 02 biên nhận ngày 03-9-2017, 04-9-2017 như anh T trình bày để chị T xem, nếu đúng số nợ còn thiếu bao nhiêu thì chị T đồng ý trả anh T bấy nhiêu. Chị T không đồng ý trả số tiền 1.147.866.000 đồng theo yêu cầu của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát: Chị T thừa nhận có ký tên vào Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017 và giấy xác nhận nợ gốc ngày 16-9-2017, theo đó chị T thống nhất nợ anh T tiền vốn 1.130.000.000 đồng và lãi 22.980.000 đồng. Sau đó, chị T trả cho anh T tiền lãi 20.000.000 đồng, vốn 30.000.000 đồng, còn nợ vốn 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị T không đồng ý trả cho anh T vốn và lãi theo yêu cầu với lý do nguyên đơn không cung cấp sổ sách để đối chiếu là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015: Bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ cho bên vay cả vốn và lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện giảm bớt tiền lãi cho bị đơn, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 04-9-2017 theo quy định của pháp luật là có lợi cho bị đơn, nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn Lê T, yêu cầu bị đơn, chị Nguyễn Thị Duyên T, trả số tiền 1.147.866.000 đồng, trong đó vốn gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04-9-2017 đến ngày 17-4-2018 là 07 tháng 13 ngày số tiền: $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 07 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 67.866.000 \text{ đồng}$ – (bớt tiền lãi đã nhận) 20.000.000 đồng = 47.866.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà T, đại diện hợp pháp của bị đơn, chị T, xác nhận chị T có ký tên vào Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017, thừa nhận còn thiếu anh T số tiền 1.130.000.000 đồng (vốn) và 22.980.000 đồng tiền lãi. Sau đó, chị T có trả cho anh T 20.000.000 đồng tiền lãi và 30.000.000 đồng tiền vốn. Ngày 16-9-2017, chị T ký tên xác nhận còn nợ vốn anh T 1.100.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

[3] Bà T trình bày, việc chị T ký tên vào Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017 là

do anh T đến nhà nói chuyện lớn tiếng, tỏ thái độ làm chị T và gia đình sợ phải ký vào Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017, nhưng chị T có yêu cầu anh T cho xem sổ sách, sau đó sẽ thống nhất lại sổ nợ sau. Tuy nhiên, bà T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Bởi vì Tờ thỏa thuận làm tại nhà chị T, ở tại khu vực đông dân cư, trong nhà chị T có nhiều người, trong đó mẹ và di ruột của chị T có mặt ở nhà và tự nguyện ký vào Tờ thỏa thuận để làm chứng việc chị T thiếu nợ và hứa trả tiền cho anh T. Mặt khác, sau khi làm Tờ thỏa thuận thì ngày 13-9-2017, chị T tự nguyện trả cho anh T tiền lãi 20.000.000 đồng, đến ngày 16-9-2017 chị T tiếp tục ký xác sổ nợ gốc còn lại là 1.100.000.000 đồng và ngày 20-9-2017 có trả anh T tiền vốn 30.000.000 đồng (sau khi được giải ngân tại Ngân hàng K – Chi nhánh S) mà không có chứng cứ nào khác chứng minh trong khoảng thời gian này chị T có yêu cầu anh T mang sổ sách để đối chiếu nợ. Xét thấy, việc bà T trình bày: Yêu cầu anh T xuất trình sổ sách để chị T xác định lại sổ nợ còn phải trả cho anh T, là yêu cầu không hợp lý, không có cơ sở chấp nhận. Trong trường hợp này, anh T không cần thiết phải chứng minh sổ nợ chị T còn thiếu bằng sổ sách, bởi vì chị T xác định có ký tên vào Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017 và giấy xác nhận nợ sổ nợ gốc ngày 16-9-2017.

[4] Do đó, căn cứ vào Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017, giấy xác nhận nợ gốc ngày 16-9-2017 có đủ cơ sở xác định giữa anh T và chị T có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên: chị T phải có trách nhiệm trả tiền vốn và lãi cho anh T khi có yêu cầu.

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Lãi suất

“1. Lãi suất do các bên tự thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn

“2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.”

[5] Tại phiên tòa anh T tự nguyện giảm bớt cho chị T phần tiền lãi đã nhận là 20.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị T trả số tiền 1.147.866.000 đồng, trong đó vốn gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04-9-2017 đến ngày 17-4-2018 là 07 tháng 13 ngày là theo quy định của pháp luật (0,83%/tháng) là 47.866.000 đồng (đã giảm bớt 20.000.000 đồng). Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn, anh T, là phù hợp quy định pháp luật, có lợi cho bị đơn, chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nguyên đơn, bị đơn xác định việc vay mượn tiền giữa hai bên từ 2016, nhiều lần vay, tuy nhiên trong 01 tuần đã thanh toán gốc và lãi xong. Nguyên đơn hiện nay chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ theo khoản vay ngày 03-9 và 04-9-2017, được tổng kết thành Tờ thỏa thuận ngày 09-9-2017 và xác nhận nợ ngày 16-9-2017. Đối với tiền lãi đã nhận, nguyên đơn cũng đã tự nguyện giảm bớt cho bị đơn. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của luật sư là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn Lê T, về việc

yêu cầu bị đơn, chị Nguyễn Thị Duyên T, trả số tiền 1.147.866.000 đồng, trong đó vốn gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04-9-2017 đến ngày 17-4-2018 là 07 tháng 13 ngày số tiền: $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 07 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 67.866.000 \text{ đồng}$ – (bớt 20.000.000 đồng) = 47.866.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Duyên T trả cho anh Nguyễn Lê T số tiền 1.147.866.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Duyên T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 46.436.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Lê T số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 23-11-2017 theo biên lai số 01243 và ngày 10-4-2018 theo biên lai số 0004378 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc (02 bản);
- Tòa án Tỉnh (02 bản);
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (01 bản);

- Chi cục Thi hành án TP Sa Đéc (01 bản)
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Kim Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự (06 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân
thành phố Sa Đéc (02 bản);
- Tòa án Tỉnh (02 bản);
- Chi cục Thi hành án TP Sa Đéc (01 bản)
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Kim Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát TP. Sa Đéc (02 bản);
- Đương sự (02 bản);
- Chi cục Thi hành án TP Sa Đéc (01 bản)
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Kim Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

